**BÀI 11 – 12: THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG**

1. **Phân hóa theo vĩ độ (Bắc - Nam)**

***Nguyên nhân***: Do nhiệt độ tăng dần từ Bắc vào Nam và ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên thiên nhiên nước ta phân hóa Bắc -Nam, ranh giới là dãy Bạch Mã.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phân hóa | ***Phần lãnh thổ phía Bắc*** | ***Phần lãnh thổ phía Nam*** |
| Đặc điểm thiên nhiên | Thiên nhiên ở đây đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh | Thiên nhiên mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa. |
| Khí hậu | Nhiệt độ trung bình năm: trên 200C  Có 3 tháng nhiệt độ: dưới 180C  Biên độ nhiệt: lớn (10 - 120C) | Nhiệt độ trung bình năm: trên 250C  Không có tháng nào nhiệt độ: dưới 200C  Biên độ nhiệt: nhỏ (3 - 40C) |
| Cảnh quan | Rừng: nhiệt đới gió mùa.  Thành phần loài: nhiệt đới chiếm ưu thế.  có cả loài: cận nhiệt và ôn đới.  Phân hóa thành 2 mùa: mùa nóng và mùa lạnh. | Rừng: cận xích đạo gió mùa.  Thành phần loài: xích đạo và nhiệt đới.  Phân hóa thành 2 mùa: mùa mưa và mùa khô. |

1. **Phân hóa theo kinh độ (Đông - Tây)**

Từ đông sang tây, thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 dải:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Vùng đồi núi*** | ***Vùng đồng bằng***  ***ven biển*** | ***Vùng biển và thềm lục địa*** |
| Do tác động của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam với hướng của các dãy núi cao (bức chăn địa hình) nên thiên nhiên các vùng phân hóa:  ***Đông Bắc:*** mùa đông lạnh nhất, đến sớm, kết thúc muộn, cảnh quan cận nhiệt đới gió mùa.  ***Tây Bắc:***  + vùng núi cao: cảnh quan giống vùng ôn đới;  + vùng núi thấp phía nam: cảnh quan nhiệt đới gió mùa.  ***Đông Trường Sơn và Tây Trường Sơn:***  + Đông Trường Sơn mưa vào thu đông thì Tây Nguyên vào mùa khô;  + Đông Trường Sơn bị tác động gió tây khô nóng (gió Lào) thì Tây Nguyên vào mùa mưa. | Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ: mở rộng, thềm lục địa rộng, nông, thiên nhiên trù phú.  Đồng bằng ven biển Trung Bộ: hẹo ngang, bị chia cắt, bờ biển khúc khuỷu, thềm lục địa hẹp, biển sâu, thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai kém, có tiềm năng du lịch, thuận lợi phát triển kinh tế biển. | Diện tích lớn gần gấp 3 lần so với đất liền.  Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.  Thềm lục địa nông-sâu, rộng-hẹp là do có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, vùng đồi núi kề bên, thay đổi theo từng đoạn bờ biển. |

1. **Phân hóa theo độ cao**

Nguyên nhân: do sự thay đổi của khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa) theo độ cao nên thiên nhiên phân hóa thành các đai cao.

|  |  |
| --- | --- |
| A close up of a logo  Description generated with very high confidence | A screenshot of a cell phone  Description generated with high confidence |
| * Đai cao chiếm diện tích lớn nhất là: đai nhiệt đới gió mùa (vì 85% lãnh thổ nước ta có độ cao dưới 1000m). * Đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn so với ở miền Nam do: ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc bị hạ thấp. | |

1. **Đai nhiệt đới gió mùa**

* **Khí hậu**: nhiệt đới, nhiệt độ trên 250C, mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi tùy nơi từ khô đến ẩm ướt.
* **Đất đai**: có 2 nhóm
* *Nhóm đất đồng bằng:* chiếm gần 24% diện tích đất tự nhiên (đất phù sa, đất phèn, đất mặn, đất cát)

*Nhóm đất vùng đồi núi thấp:* chiếm hơn 60% diện tích đất tự nhiên (đất feralit nâu đỏ trên đá mẹ badan và đá vôi*)*

* **Sinh vật** gồm các hệ sinh thái nhiệt đới:
* Rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh hình thành ở vùng núi thấp mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô không rõ.
* Rừng nhiệt đới gió mùa: rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, rừng thưa nhiệt đới khô.
* Trên các thổ nhưỡng đặc biệt:
* Trên đá vôi: rừng thường xanh.
* Trên đất mặn ven biển: rừng ngập mặn.
* Trên đất phèn: rừng tràm.
* Trên đất cát, đất xám khô hạn: xa van, cây bụi gai nhiệt đới khô.

1. **Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi**

* **Khí hậu**: mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 250C, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng.
* **Đất đai và sinh vật** phân hóa:
* *Từ 600-700m đến 1600-1700m:* rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim, đất feralit có mùn mỏng và chua, chim, thú cận nhiệt đới phương Bắc, các loài thú có lông dày (gấu, sóc, cầy, cáo)
* *Trên 1600-1700m:* đất mùn,rừng sinh trưởng kém, thực vật, thành phần loài đơn giản, rêu, địa y phủ kín thân cây, xuất hiện cây ôn đới và chim di cư (thuộc khu hệ Hymalaya).

1. **Đai ôn đới gió mùa trên núi**

* **Khí hậu:** quanh năm nhiệt độ dưới 150C, mùa đông xuống dưới 50C, có nét giống khí hậu ôn đới.
* **Đất đai:** chủ yếu là đất mùn thô.
* **Sinh vật:** có các loài thực vật ôn đới đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam.

1. **Các miền địa lí tự nhiên:** Có 3 miền địa lí tự nhiên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Miền ĐLTN | Miền Bắc  và Đông Bắc Bắc Bộ | Miền Tây Bắc  và Bắc Trung Bộ | Miền Nam Trung Bộ  và Nam Bộ |
| Phạm vi | Gồm vùng núi Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ | Từ đứt gãy sông Hồng tới dãy núi Bạch Mã | Từ dãy Bạch Mã trở vào Nam |
| Đặc điểm chung của miền | Có 2 đặc điểm cơ bản:  - Về cấu trúc địa chất-kiến tạo: có quan hệ chặt chẽ với vùng Hoa Nam (Trung Quốc)  - Chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc. | Có 2 đặc điểm cơ bản:  - Về cấu trúc địa chất-kiến tạo: có quan hệ chặt chẽ với vùng Vân Nam (Trung Quốc)  - Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc (yếu). | Có 2 đặc điểm cơ bản:  - Về cấu trúc địa chất-kiến tạo: khá phức tạp, gồm khối núi cổ, sơn nguyên, cao nguyên, đồng bằng.  - Miền có khí hậu cận xích đạo gió mùa. |
| Địa hình | Chủ yếu là đồi núi thấp, độ cao trung bình 600m  nổi bật là hướng vòng cung.  Địa hình cacx-tơ khá phổ biến.  Địa hình bờ biển đa dạng (nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo)  Đồng bằng châu thổ mở rộng. | Chiếm ưu thế là núi cao và núi trung bình.  Miền duy nhất có đủ 3 đai cao.  Hướng chính: tây bắc - đông nam.  Đồng bằng ven biển: nhỏ hẹp. Có nhiều cồn cát, đầm phá, bãi tắm đẹp. | Địa hình tương phản rõ rệt giữa 2 sườn:  - Phía đông: núi cổ, sơn nguyên bóc mòn.  - Phía tây: các cao nguyên badan bằng phẳng, phân bậc rõ rệt.  Đồng bằng Nam Bộ: rộng lớn.  Đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ: nhỏ hẹp.  Nhiều vịnh nước sâu được che chắn bởi các đảo ven bờ |
| Khí hậu | Nhiệt đới nhiệt đới gió mùa  - Có mùa đông lạnh  - Chịu tác động mạnh của GMĐB (hạ thấp đai cao cận nhiệt đới) | Nhiệt đới gió mùa chịu tác động của GMĐB yếu nên tính nhiệt đới tăng so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ | Cận xích đạo gió mùa  - Nhiệt độ cao  - Biên độ nhiệt nhỏ  - 2 mùa: mùa mưa và mùa khô rõ rệt. |
| Tài nguyên | Khoáng sản: giàu than, thiếc, vonfram, chì, bạc, kẽm, vật liệu xây dựng, dầu khí (bể sông Hồng) | Khoáng sản: có sắt, đồng, apaatit, crôm, thiếc, titan, vật liệu xây dựng  Rừng: còn nhiều ở tây Nghệ An, Hà Tĩnh | Khoáng sản: bô-xit (Tây Nguyên); dầu khí ở thềm lục địa.  Rừng: ngập mặn; động vật đa dạng, tiêu biểu cho vùng nhiệt đới, xích đạo ẩm |
| Khó khăn | Sự thất thường của khí hậu, dòng chảy, thời tiết | Thiên tai: bão, lũ, trượt lở đất, hạn hán thường xuyên | Núi: xói mòn, rửa trôi  Đồng bằng: ngập lụt vào mùa mưa; mùa khô: thiếu nước |